

Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông ở tỉnh Sơn La

Nguyễn Thẩm Thu Hà^(*)

Sa Thị Thanh Nga^(**)

Tóm tắt: Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn, đã, đang và sẽ làm thay đổi các hệ sinh thái tự nhiên, đời sống kinh tế - xã hội, đe dọa nghiêm trọng đến môi trường, an ninh lương thực của các quốc gia. Vì thế, việc tìm kiếm những giải pháp nhằm ứng phó với quá trình này đã trở thành nhiệm vụ cấp bách đối với toàn cầu và các tộc người. Trên cơ sở nguồn tư liệu thu thập được từ hai cuộc khảo sát điền dã của các tác giả vào tháng 4/2019 và tháng 4/2020 tại bản Tà Phênh, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu và bản Suối Ó, xã Quang Huy, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và các số liệu, tư liệu thu thập từ các cơ quan tại các địa phương nói trên trong quá trình khảo sát thực tế, bài viết đánh giá những kết quả cũng như khó khăn, thách thức trong ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông ở tỉnh Sơn La; qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu của tộc người Hmông.

Từ khóa: Giải pháp, Ứng phó, Biến đổi khí hậu, Người Hmông, Người Thái, Tỉnh Sơn La

Abstract: Climate change as a big challenge has been changing natural ecosystems, socio-economic life, and seriously threatening the environment and global food security. Therefore, seeking for responses to that has become urgent for all peoples worldwide. Based on results of the two field surveys conducted in April 2019 and April 2020 in Ta Phenh village, Tan Lap commune, Moc Chau district and Suoi O village, Quang Huy commune, Phu Yen district, Son La province, respectively, and the data and materials collected from local agencies, the article evaluates the achievements as well as the difficulties and challenges in the responses to climate change by Hmong people in Son La province; thereby proposing some solutions to improve the effectiveness of the local residents' responses to the climate change.

Keywords: Solutions, Response, Climate Change, Hmong People, Thai People, Son La Province

^(*) TS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: nguyenthamthuha83@gmail.com

^(**) ThS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Mở đầu

Sơn La là tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam chịu tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu (BĐKH). Các số liệu thống kê về thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Sơn La trong giai đoạn 2010-2015 cho thấy, *thiệt hại về người*: 57 người chết, 7 người mất tích và 61 người bị thương; *thiệt hại về công trình*: 1.014 nhà bị sập, hư hỏng, cuốn trôi, sạt lở và tốc mái 13.657 nhà,... Ước tính tổng thiệt hại do mưa lớn, mưa đá, gió lốc gây ra tại địa phương này trong 5 năm là 1.049 tỷ đồng. Chỉ tính từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 8/2017 đã xảy ra nhiều đợt mưa to đến rất to gây lũ ống, lũ quét, sạt lở và đá lăn tại một số huyện trên địa bàn tỉnh, gây thiệt hại nghiêm trọng về người, nhà cửa và tài sản của nhân dân, cụ thể: 30 người chết, mất tích và bị thương; thiệt hại khác về tài sản khoảng 707,6 tỷ đồng (Nguyễn Thẩm Thu Hà, Phạm Thị Cẩm Vân, 2020). Người Hmông - chiếm số lượng đông thứ hai (14,6%) trong tổng dân số tỉnh Sơn La, chủ yếu làm nương rẫy, định cư trên các rẻo núi cao để tiện cho sản xuất, song đây cũng chính là hiểm họa đối với họ bởi kết cấu đất trên các sườn núi cao thường kém bền vững, nguy cơ sạt lở núi có thể xảy ra bất cứ lúc nào (Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2020). Trước những hậu quả nghiêm trọng của BĐKH, người Hmông ở tỉnh Sơn La đã có những biện pháp ứng phó với BĐKH nhằm giảm thiểu rủi ro và ít phụ thuộc vào bên ngoài, tuy nhiên hiệu quả chưa bền vững.

1. Một số kết quả trong ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông

1.1. Phát huy giá trị tri thức địa phương

Người Hmông từ nhiều đời nay đã thích nghi với môi trường sống của họ. Những kinh nghiệm chống chọi với thiên

nhien được tích lũy đã giúp họ vượt qua mọi khó khăn để tồn tại. Trong việc ứng phó với BĐKH hiện nay, bên cạnh áp dụng các tri thức khoa học, người Hmông đã phần nào ứng dụng được tri thức địa phương (TTĐP) của cộng đồng trong sản xuất và đời sống sinh hoạt. Chính điều đó đã góp phần ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế bền vững hơn, đảm bảo an ninh lương thực cho người dân trước thực trạng khô hạn, lũ lụt, thời tiết cực đoan.

Sản xuất lương thực, thực phẩm của người Hmông dựa trên hệ sinh thái ruộng bậc thang và nương đồi. Thích ứng với điều kiện của các hệ sinh thái này, họ đã kết hợp việc sử dụng kinh nghiệm với các tiến bộ của khoa học kỹ thuật trong sản xuất từ các khâu chọn giống, bảo quản giống đến các khâu cải tạo đất, chăm sóc, thu hoạch. Trước tiên, tri thức đó được vận dụng trong việc sử dụng các giống cây trồng phù hợp với thực trạng BĐKH ở địa phương. Theo khảo sát của chúng tôi tại địa bàn nghiên cứu, người Hmông ở bản Suối Ó chọn các giống lúa nương truyền thống có ưu thế trước thực trạng thời tiết khô nóng và chống xói mòn. Họ còn chủ động chuyển đổi những chân ruộng thiếu nước sang canh tác lúa nương cho kịp mùa vụ và bảo đảm lương thực. Người Hmông ở bản Tà Phênh dựa vào khí hậu và thổ nhưỡng ở đây đã đẩy mạnh phát triển các loại cây ăn quả và các loại rau phù hợp, đặc biệt là cây mận. Nhìn chung, sự kết hợp TTĐP với tri thức khoa học - kỹ thuật hiện đại ngoài việc giúp ứng phó hiệu quả với BĐKH còn tạo nên những sản phẩm hàng hóa thương mại đặc trưng cho địa phương, góp phần nâng cao đời sống của người dân.

Trong chăn nuôi, người Hmông đã lựa chọn các giống vật nuôi phù hợp với

điều kiện thời tiết. Vật nuôi ưa nóng bắt đầu xuất hiện, thời gian chăm sóc và chăn thả theo từng mùa cũng được người dân thực hiện và điều chỉnh, bước đầu cho hiệu quả. Phần lớn người dân đã chuyển đổi phương thức thả rông sang nuôi nhốt, làm chuồng trại để bảo vệ gia súc, gia cầm, giữ ấm vào mùa đông và chống nắng vào mùa hè. Ngoài ra, đồng bào còn dùng những phụ phẩm nông nghiệp để bổ sung thức ăn tinh bột cho vật nuôi vào mùa đông nhằm tăng dinh dưỡng và sức đề kháng. Thêm nữa, họ còn nâng cao ý thức phòng, chống bệnh dịch và tăng cường tiêm phòng dịch cho vật nuôi. Việc vận dụng kết hợp kinh nghiệm của người dân với các tiến bộ của khoa học trong chăn nuôi đã đem lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho người Hmông trước tác động của BĐKH.

Người Hmông cư trú chủ yếu ở vùng cao miền núi nên họ ở nhà trệt, mái thấp, ít cửa để tránh gió vào mùa khô hanh, tránh bão vào mùa mưa, giữ ấm trong mùa đông, làm mát cho mùa hè và chống thú dữ, sương mù bao phủ.

Trong ăn uống, để tăng chất dinh dưỡng trong những ngày xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, khó tiếp cận với thực phẩm, người Hmông ngoài dự trữ lương thực cần thiết còn dự trữ thức ăn theo kiểu truyền thống. Họ thích uống rượu ngô, điều này không chỉ có ý nghĩa văn hóa, tâm linh mà còn thể hiện sự thích ứng với môi trường tự nhiên bởi vị cay nồng của rượu sẽ giúp con người giảm bớt cảm giác giá lạnh của khí hậu vùng núi cao.

Bên cạnh các nhu cầu cơ bản trong đời sống, người Hmông còn sử dụng các tri thức của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe, trong giáo dục và các tổ chức sinh hoạt khác. Theo kết quả khảo sát của chúng tôi tại địa bàn nghiên cứu, khi xảy ra mưa

lớn, gió bão, sạt lở, ngập lụt, việc tiếp cận với các dịch vụ y tế gặp nhiều khó khăn, không có thuốc tây y dự phòng trong nhà, người dân đã sử dụng các bài thuốc dân gian để chữa các bệnh thông thường như cảm, đau bụng, sốt,...

1.2. Ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro

Để ngăn ngừa, giảm thiểu những tổn thất do BĐKH và các hiện tượng thời tiết cực đoan gây ra, người Hmông đã áp dụng nhiều biện pháp trong các hoạt động sinh kế cũng như trong đời sống sinh hoạt. Trước tiên, trong trồng trọt, họ đã thay đổi cơ cấu cây trồng và kỹ thuật canh tác, gia cố kênh mương,...

Kể đến, để giảm thiểu rủi ro trong chăn nuôi, họ đã thay đổi phương thức chăn nuôi theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào tự nhiên và cải thiện điều kiện chăm sóc gia súc. Để tránh rủi ro trong chăn nuôi do bệnh dịch hay BĐKH, người Hmông ở bản Suối Ó còn lợi dụng bãi chăn thả rộng để chăn nuôi trâu, bò, dê thuê cho người Thái ở các bản khác.

Người Hmông còn đẩy mạnh hoạt động đi làm ăn xa. Điều này giúp họ có khả năng tăng thêm thu nhập, ít phụ thuộc hơn vào nông nghiệp, từ đó gián tiếp giảm đi những tác động xấu của BĐKH. Ở xã Quang Huy, theo kết quả khảo sát của chúng tôi, hiện nay xã có khoảng 300 lao động đi làm thuê, thu nhập trung bình mỗi người khoảng 5-7 triệu/tháng, như vậy một năm đã có nguồn thu trên dưới 20 tỷ đồng từ nguồn lao động này, cao hơn đáng kể so với thu nhập từ nông nghiệp trên địa bàn. Việc đi làm ăn xa cũng góp phần tạo nguồn vốn để người dân quay trở lại đầu tư cho sản xuất.

Song song với các biện pháp nêu trên, người Hmông chủ động tham gia bảo vệ rừng thông qua hương ước của bản. Ngoài ra, họ còn đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh

đất trồng đòi trợ giúp giữ nước, chống xói lở; nhận khoán nuôi bảo vệ rừng, vừa để tăng thêm thu nhập, vừa bảo vệ môi trường, nguồn nước,... Bên cạnh đó, họ cũng phát triển cây sa nhân thích ứng với nhiều địa hình, từ đất bằng đến đất dốc và có tác dụng tăng độ dày cho thảm cây bụi, chống xói mòn, rửa trôi, bạc màu đất, tăng khả năng hấp thụ CO₂ góp phần giúp giảm thiểu BĐKH (Trần Hồng Hạnh, 2018).

Dưới tác động của BĐKH, các hiện tượng thời tiết cực đoan đã làm hư hại nhà cửa, vật chất và con người, một số hộ gia đình buộc phải di cư, tìm nơi ở khác an toàn hơn, như người Hmông ở bản Suối Ó thường di chuyển lên cao hoặc tìm những chỗ bằng phẳng hơn, khả năng sạt lở thấp hơn. Họ đào san lấp đất nền đủ diện tích để dựng nhà, không dùng phương tiện cơ giới, nhằm giúp kết cấu đất luôn được giữ vững, không bị phá vỡ quá nhiều, giúp ngăn ngừa tình trạng sạt lở đất.

Ngoài ra, người Hmông còn kiên cố hóa ngôi nhà của mình, thay đổi nguyên liệu và bố trí không gian sinh hoạt cho phù hợp, chắc chắn. Những năm gần đây, do nhiệt độ tăng lên, người Hmông ở bản Tà Phênh chuyên bếp nấu nướng sang bên phải hoặc bên trái ngôi nhà, có cửa ngách thông gió để chống nóng.

Về trang phục, họ thay đổi về nguyên liệu, thể loại, cách sử dụng, phần lớn đã mặc âu phục theo mùa giống như người Kinh - vừa có sẵn lại được may bằng nhiều chất liệu khác nhau, đa dạng về mẫu mã phù hợp với nhiều kiểu thời tiết khác nhau.

Do sinh sống trên đỉnh núi cao nên đường lên bản người Hmông nhiều nơi vẫn khó khăn. Như ở bản Suối Ó, đường đất lẫn đá, địa hình dốc, rất khó đi kể cả trong điều kiện thời tiết bình thường, họ khắc phục bằng cách chọn mua những loại

xe máy bền, khỏe, gầm cao để thuận tiện trong di chuyển. Những ngày mưa lớn, họ sử dụng dây xích sắt quấn quanh bánh xe để tạo độ ma sát, khi đi trên đường đất không bị bám bùn, dễ di chuyển hơn. Vào những ngày sương mù dày đặc, gây ảnh hưởng đến tầm nhìn xung quanh, họ hạn chế tham gia giao thông.

Trong giáo dục, họ chủ động theo dõi, cập nhật tình hình thời tiết hằng ngày trên các thiết bị viễn thông như ti vi, điện thoại thông minh, hệ thống loa phát thanh của bản để đưa đón con em đi học. Còn ở các điểm trường, giáo viên đã triển khai nhiều biện pháp nhằm đảm bảo sức khỏe cho học sinh, chẳng hạn thay đổi giờ học cho phù hợp với thời tiết từng mùa.

Trong chăm sóc sức khỏe, phương thức phòng bệnh phổ biến của người Hmông trong những đợt thời tiết thay đổi chỉ đơn giản là trời lạnh thì mặc thêm áo ấm, người già và trẻ em ở trong nhà đốt củ sồi, hạn chế ra ngoài. Khi mắc các bệnh thông thường, họ tự mua thuốc ở các hiệu thuốc và uống tại nhà để điều trị hoặc dùng các bài thuốc dân gian, nếu bệnh có triệu chứng nặng hơn thì họ đến khám tại trạm y tế xã hoặc bệnh viện huyện.

Trước thông tin dự báo về những đợt mưa bão, áp thấp nhiệt đới, người Hmông chủ động sắp xếp các công việc sản xuất cũng như những hoạt động khác trong gia đình để tránh bị ảnh hưởng như không tổ chức đám cưới, lên nhà mới trong những tháng mưa lũ hoặc nắng nóng cao điểm. Tất cả những biện pháp đó đã giúp người dân ngăn ngừa và giảm thiểu những tác động của BĐKH.

1.3. Tận dụng các nguồn lực hỗ trợ bên trong và bên ngoài

Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo đã có hiệu

quả nhất định. Dự án 135 thực hiện hằng năm đã hỗ trợ giống cây, con, phân bón cho người dân. Kết quả khảo sát của chúng tôi tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, năm 2020, có 21 hộ nghèo ở xã Quang Huy được hỗ trợ lợn để tái tạo đàn lợn sau tổn thất do dịch tả. Việc hỗ trợ giống bò vàng, giống dê cũng được thực hiện. Bên cạnh đó, những mối quan hệ cộng đồng, dòng họ góp phần tạo nên mạng lưới làm ăn, tương trợ khi khó khăn.

Công tác phòng, chống thiên tai của chính quyền địa phương được thực hiện khá tốt. Các xã đều có quỹ phòng, chống thiên tai nhằm hỗ trợ kịp thời cho người dân. Trước những đợt mưa lũ hay rét đậm, rét hại kéo dài, người Hmông thường tuyên truyền, vận động người dân nâng cao cảnh giác, chủ động, kịp thời thực hiện các biện pháp phòng, chống nhằm hạn chế thiệt hại như di dời nhà ở khỏi những địa điểm có nguy cơ sạt lở, tuân thủ các biện pháp phòng dịch bệnh sau mưa lũ, thực hiện các biện pháp gìn giữ sức khỏe vào mùa đông...

Ở cấp độ cộng đồng, người Hmông đã hỗ trợ lẫn nhau trước, trong và sau những đợt mưa lũ, rét đậm, rét hại. Kết quả khảo sát của chúng tôi tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, trước những đợt dự báo thiên tai, họ thường giúp đỡ nhau che chắn nhà cửa, chuồng trại, thăm nom ruộng nương, lùa trâu bò xuống núi và giúp nhau trông coi trâu, bò. Họ còn góp công tu sửa đường giao thông trong bản và nội đồng, kiên cố hóa kênh mương thủy lợi trước mùa mưa lũ. Khi gia đình nào bị mất nhà hay thiệt hại nặng do thiên tai gây sạt lở, cuốn trôi, tốc mái, bên cạnh những hỗ trợ từ chính quyền địa phương và Nhà nước, những người dân trong dòng họ, trong bản, dân quân xã đều đến giúp san nền đất, dựng

nhà mới, hoặc giúp đỡ bằng tiền mặt, giới thiệu việc làm.

2. Những khó khăn, thách thức trong ứng phó với biến đổi khí hậu

2.1. Nhận thức chưa đầy đủ về BĐKH

Hạn chế lớn nhất trong ứng phó với BĐKH của người Hmông chính là vấn đề nhận thức về BĐKH và những ảnh hưởng của BĐKH đến các hoạt động sinh kế cũng như đời sống sinh hoạt của họ. Người dân đã có nhận thức về sự thay đổi của thời tiết trong những năm gần đây, song những nhận thức đó mới chỉ dừng lại ở mức độ hiểu biết ban đầu. Chính vì vậy, những giải pháp mà họ đưa ra nhằm ứng phó với BĐKH mới chỉ mang tính chất bề mặt, chưa bền vững, chủ yếu tập trung vào các hoạt động sinh kế, chưa chú ý nhiều đến các lĩnh vực khác như trong hoạt động giáo dục, chăm sóc sức khỏe, ăn, mặc, ở... Ngoài ra, sự chia sẻ thông tin tại cộng đồng còn khá rời rạc, thụ động. Từ đó, hành động của người dân còn mang tính tự phát, đơn lẻ và chưa tạo được sức mạnh của cộng đồng.

2.2. Áp dụng những tri thức khoa học, tri thức địa phương trong sản xuất và đời sống sinh hoạt còn hạn chế

Một là, việc vận dụng và trải nghiệm tri thức của cộng đồng chưa bền vững và đang bị thu hẹp: Thực tế nghiên cứu cho thấy người Hmông ở các điểm nghiên cứu chưa đủ kiến thức, hiểu biết để nhận thức đúng, đầy đủ về giá trị hệ thống TTĐP của tộc người trong ứng phó với BĐKH. Hơn nữa, các tri thức đó thường không mang lại những lợi ích tức thì và khó định lượng hiệu quả so với các phương pháp hiện đại khác, nên người dân có tâm lý ngại duy trì hệ thống TTĐP trong BĐKH. Tâm lý “sính ngoại” tác động khiến người dân có xu hướng du nhập hệ thống kiến thức hiện

đại từ bên ngoài. Ở phương diện khác, số lượng người uy tín trong cộng đồng còn ít, điều này khiến TTĐP trong ứng phó với BĐKH dần bị mai một.

Mặt khác, TTĐP cũng đã và đang gặp nhiều thách thức từ sự thay đổi của các điều kiện tự nhiên và xã hội. Với sự thu hẹp các nguồn lực tự nhiên, các TTĐP nhiều khi không có đủ điều kiện để áp dụng. Đất đai bị suy giảm về chất lượng và diện tích theo từng hộ gia đình, họ chuyển sang ưu tiên trồng cây lương thực nên các tri thức trong trồng bông, lanh; dệt vải của người Hmông để phục vụ nhu cầu mặc cũng đang bị mai một. Diện tích rừng dần bị thu hẹp, suy thoái khiến các luật tục, tín ngưỡng và các kinh nghiệm liên quan quan đến rừng cũng mất dần,... Điều này cho thấy việc vận dụng các TTĐP của người Hmông trong ứng phó với BĐKH chưa thực sự bền vững.

Hai là, hiệu quả ứng phó với BĐKH chưa cao, còn nhiều yếu tố tự phát, chưa đầy đủ, chưa toàn diện, mang tính tạm thời, mô hình sinh kế mới thiếu bền vững: Một trong những biện pháp đang được người Hmông áp dụng nhằm tăng năng suất cây trồng là sử dụng tăng liều lượng thuốc trừ sâu và phân bón. Tuy nhiên, mặt trái của việc lạm dụng kỹ thuật này sẽ dẫn đến tích tụ các hóa chất trong đất, một phần rửa trôi theo nước mặt do mưa, gây ô nhiễm nguồn nước.

Trong tổ chức ứng phó với BĐKH, hiện có hai cách thức là các gia đình tự lo liệu xoay xở và chính quyền địa phương đứng ra tổ chức hướng dẫn người dân và cộng đồng. Trong thời gian qua, chính quyền địa phương đã phát huy hiệu quả, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực trong phương thức ứng phó với BĐKH ở cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, cũng có một

tác động không mong muốn của phương thức này, đó là tư duy “bao cấp” trong một bộ phận người dân, tạo nên tâm lý “trông chờ”, “phó mặc” cho chính quyền địa phương. Điều này về lâu dài sẽ không mang lại kết quả tích cực cho chiến lược ứng phó hiệu quả với BĐKH. Bên cạnh đó, nhiều cách ứng phó của chính quyền địa phương chưa phù hợp với nhu cầu của cộng đồng nên chưa tạo được sự đồng thuận. Vì vậy, sự tham gia của cộng đồng bị hạn chế.

Có thể thấy, những biện pháp ứng phó với BĐKH của người Hmông ít nhiều còn mang tính đối phó (như đắp bờ khi sạt lở, trồng thêm cây, chằng chống nhà cửa, trữ nước mưa, đi làm thuê kiếm sống,...), chủ yếu nhằm bảo vệ con người, tài sản của gia đình. Trong khi đó, những biện pháp mang tính bền vững, lâu dài như chuyển đổi sinh kế, cơ cấu sản xuất lại chưa được người dân quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, người Hmông cũng chưa thực sự linh hoạt trong việc tiếp nhận các yếu tố khoa học kỹ thuật mới. Việc này làm hạn chế khả năng ứng phó và phục hồi trước tác động của BĐKH.

2.3. Hạn chế các nguồn lực

Về đặc điểm cư trú: Người Hmông cư trú ở vùng sâu, vùng xa, trên các sườn đồi cao... Đây là những nơi rất dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai và BĐKH. Cuộc sống người dân phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên. BĐKH không những tác động trực tiếp đến các hoạt động sinh kế, làm ảnh hưởng đến đời sống và thu nhập của họ mà còn gây những tác động như làm cô lập và hạn chế tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm. Điều này làm giảm các hoạt động đa dạng hóa thu nhập để bù đắp lại sự tác động của BĐKH đến nguồn thu nhập chính; làm hạn chế sự tiếp cận của người dân đến các

dịch vụ phúc lợi xã hội, từ đó khiến tính tôn thương ngày càng gia tăng.

Về trình độ học vấn, mức sống và tâm lý tộc người: Học vấn của người Hmông còn thấp nên họ không có nhiều lựa chọn công việc. Trong quá trình tìm kiếm nguồn sinh kế mới, dường như người Hmông vẫn còn tồn tại định kiến về giới trong phân chia lao động (thường chỉ nam giới mới đi làm ăn xa nhà, còn phụ nữ phải làm các công việc gần nhà để chăm sóc gia đình).

Hệ thống cơ sở hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ: Biểu hiện rõ nhất là người Hmông ở bản Suối Ó thiếu cả về đường giao thông và đường điện lưới quốc gia. Hệ thống thoát lũ chủ yếu dựa vào các dòng suối, các công trình kè gia cố chống sạt lở còn thiếu. Hệ thống các công trình này chưa đồng bộ, chưa liên kết được với nhau. Khi những trận mưa lớn khiến đường bị sạt lở nghiêm trọng, họ gần như bị cô lập với thế giới bên ngoài, khó tiếp cận với sự trợ giúp của cộng đồng, của chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội; việc đưa các sản phẩm ra chợ bán, mua lương thực, thực phẩm cho gia đình, việc đi học, đi làm, khám chữa bệnh bị gián đoạn... Vì thế, giải pháp ứng phó của họ lúc này thường bị động, thuận theo tự nhiên.

Ngoài ra, các hỗ trợ của chính quyền địa phương đôi khi còn bị động, thường chú trọng vào các giải pháp can thiệp như đền bù, hỗ trợ về kinh tế mà chưa xem đến các khả năng ứng phó với BĐKH của cộng đồng. Việc triển khai các hoạt động truyền thông về BĐKH chưa sâu rộng, liên tục, các phương thức chưa phù hợp với đặc điểm của người Hmông. Trong thực tế, các xã hầu như không có cán bộ chuyên trách về phòng, chống thiên tai và ứng phó với BĐKH. Do vậy, công việc của cán bộ thường thiên về hành chính sự vụ và chưa

có kế hoạch hành động dài hạn để ứng phó với thiên tai và BĐKH. Nhiều cộng đồng không có các lực lượng tình nguyện hay xung kích để giúp đỡ người dân khi có tình trạng khẩn cấp.

Bất cập về bộ máy quản lý cấp thôn/bản: ở các địa bàn nghiên cứu, việc sáp nhập bộ máy quản lý cấp thôn/ bản đang là trở ngại lớn trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân ứng phó với BĐKH bởi địa bàn cư trú quá rộng, giao thông không thuận lợi, số lượng dân cư nhiều. Hơn nữa, phụ cấp còn thấp, lượng công việc nhiều dẫn đến tình trạng thiếu nhiệt huyết, không sâu sát với tình hình địa phương.

Thị trường tiêu thụ hàng nông sản: đầu ra cho sản phẩm nông sản của người dân chưa ổn định, do phụ thuộc nhiều vào thị trường tiêu thụ của Trung Quốc, khi nhu cầu của thị trường có thì nguồn cung lại không đảm bảo và ngược lại khiến người dân gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi cây trồng thích ứng với BĐKH.

Sự gia tăng dân số: do sức ép dân số, nhiều hộ dân người Hmông phải di chuyển đến khu đất mới để dựng nhà, nhưng nhiều khu đất này có độ dốc lớn, tiềm ẩn nguy cơ cao sạt lở vào mùa mưa lũ. Điều này đã làm gián đoạn mạng lưới xã hội do áp lực tìm kiếm việc làm và thu nhập sau thiên tai nên sự tương trợ cộng đồng suy giảm.

3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng phó với biến đổi khí hậu

** Giải pháp về nhận thức*

- Người Hmông cần quan tâm theo dõi thông tin truyền thông đại chúng để từng bước nâng cao nhận thức về các giải pháp ngắn hạn hay dài hạn và các vấn đề liên quan đến BĐKH và ứng phó với BĐKH tại địa phương. Về lâu dài, các thiết chế văn hóa cần có các hình thức tổ chức mở rộng để thu hút người dân tham gia các

hoạt động cộng đồng và phát triển cộng đồng. Đây là nền tảng quan trọng để gắn kết, tạo thói quen chia sẻ thông tin giữa các thành viên trong cộng đồng, từ đó vận dụng vào các hoạt động cộng đồng nhằm ứng phó tốt hơn với các tác động của BĐKH tại địa phương.

- *Cần tạo điều kiện để người Hmông được tiếp cận các hoạt động đào tạo, tập huấn, truyền thông về BĐKH, ứng phó với BĐKH.* Cùng với đó là các giải pháp về tổ chức, tài chính, kỹ thuật,... dưới sự chỉ đạo của chính quyền địa phương. Các hộ gia đình, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh đầu tư, phát huy thế mạnh, tiềm năng của địa bàn để phát triển kinh tế nông nghiệp và dịch vụ, nâng cao đời sống để có điều kiện tham gia ứng phó với BĐKH cùng với cộng đồng ngày càng hiệu quả hơn.

* *Giải pháp kết hợp giữa TTĐP với tri thức khoa học, công nghệ hiện đại.*

Bên cạnh những giá trị của TTĐP trong thích ứng với BĐKH, cũng cần thừa nhận rằng TTĐP không thể giải quyết tất cả các vấn đề và thách thức do BĐKH gây ra, bởi TTĐP chỉ phản ánh các giá trị văn hóa, tri thức của người dân trong một không gian địa lý cụ thể. Do đó, việc phổ biến và nhân rộng chỉ nên áp dụng trong cộng đồng dân cư có cùng điều kiện môi trường địa lý. Việc nhân rộng TTĐP từ vùng này sang vùng khác cần phải qua phân tích, thử nghiệm sự phù hợp. Hơn nữa, TTĐP là kinh nghiệm ứng phó với những hiện tượng khí hậu cực đoan đã xảy ra trong quá khứ. Trong khi đó, BĐKH có thể làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan và có những tác động khác chưa từng xảy ra. Do vậy, nếu chỉ sử dụng TTĐP để thích ứng với BĐKH là chưa đủ, mà cần phải kết hợp với tri thức khoa học, công nghệ hiện đại (Nguyễn Thẩm Thu Hà, 2020).

Thành lập các tổ, nhóm để chia sẻ, giúp đỡ nhau trong sản xuất có sử dụng TTĐP để ứng phó với BĐKH, sử dụng có hiệu quả các nguồn tín dụng trong các hoạt động ứng phó với BĐKH dựa vào cộng đồng.

* *Giải pháp về nguồn lực*

Lồng ghép giới và thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động của công tác ứng phó với BĐKH. Cải tạo và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng. Tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nguồn vốn trung ương, xã hội hóa... trong việc ứng phó với BĐKH để đầu tư xây dựng hạ tầng, hoàn thiện các tuyến đường giao thông, bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt...

* *Các giải pháp khác*

- *Nâng cao tính tự chủ, chủ động và năng lực tự tổ chức trong cộng đồng.* Xác lập sự trao quyền tự quản cho cộng đồng để phát huy vai trò chủ thể của mình trong các hoạt động ứng phó với BĐKH tại địa phương trên cơ sở cộng đồng quyết định và tự chịu trách nhiệm về các kết quả hoạt động của mình. Ngoài ra, cần có chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực cấp thôn/bản để họ có nhiệt huyết và sâu sát nắm bắt tình hình của bản, điều này sẽ góp phần tuyên truyền, hướng dẫn người dân ứng phó với BĐKH tốt hơn.

- *Đào tạo nghề:* Giải pháp này nhằm tăng thêm nguồn thu nhập ổn định cho người dân trong bối cảnh BĐKH. Tuy nhiên, các lớp đào tạo cần quan tâm đến yếu tố giới và đặc trưng văn hóa tộc người.

- *Mở rộng thị trường tiêu thụ:* Kết nối doanh nghiệp trong và ngoài nước với người dân nhằm tạo ra thị trường “cung-cầu” ổn định, đảm bảo kinh tế bền vững, giúp cộng đồng chủ động ứng phó với BĐKH và thiên tai.

Kết luận

Trước những tác động của BĐKH và thiên tai, người Hmông đã có những biện pháp ứng phó riêng của mình dựa trên các kinh nghiệm được tích lũy qua nhiều năm nhằm ngăn ngừa và giảm các thiệt hại do BĐKH và thiên tai gây ra. Các kết quả ứng phó với BĐKH và các hiện tượng thời tiết bất thường của người Hmông rất đáng ghi nhận. Tuy nhiên, do đặc điểm cư trú không thuận lợi, đời sống kinh tế khó khăn, ý thức tự giác của mỗi cá nhân, tổ chức và cộng đồng trong việc giữ gìn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của BĐKH chưa cao, nhận thức về BĐKH cũng như tác động của nó còn hạn chế, việc vận dụng các tri thức và trải nghiệm thực tế vẫn còn thiếu bền vững nên những biện pháp của người Hmông chủ yếu là những biện pháp trước mắt, tạm thời, trong khi đó, những biện pháp mang tính lâu dài chưa được người dân quan tâm đúng mức.

Trong thời gian tới, với những biến đổi ngày càng khó lường của khí hậu, để nâng cao được sự chủ động ứng phó với BĐKH và giảm nhẹ thiên tai, người Hmông cần quan tâm theo dõi thông tin truyền thông đại chúng để từng bước nâng

cao nhận thức về BĐKH và ứng phó với BĐKH tại địa phương; cần nâng cao khả năng tiếp cận các hoạt động đào tạo, tập huấn, truyền thông về BĐKH, ứng phó với BĐKH; tiếp tục nâng cao tính tự chủ, chủ động và năng lực tự tổ chức trong cộng đồng; tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ; cần kết hợp TTĐP với tri thức khoa học, công nghệ hiện đại □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thẩm Thu Hà (2020), “Tri thức địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 3, tr. 91-102.
2. Nguyễn Thẩm Thu Hà, Phạm Thị Cẩm Vân (2020), *Ứng phó với biến đổi khí hậu của người Hmông và người Thái ở tỉnh Sơn La*, Báo cáo đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học.
3. Trần Hồng Hạnh (Chủ biên, 2018), *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (2020), *Địa chí Sơn La*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.